TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN G	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2018/DS-ST
Ngày: 11/10/ 2018
V/v tranh chấp *"Hợp đồng tín dụng; Hợp đồng thế chấp tài sản"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN G

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tôn Phước Thuận.

2. Bà Phan Thị Nga.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Tấn Kiệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An G.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An G tham gia phiên toà:* Bà Đoàn Thụy Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 256/2018/TLST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp *"Hợp đồng tín dụng; Hợp đồng thế chấp tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 162/2018/QĐXXST-DS, ngày 04 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T.

Trụ sở: Số 89, phường H, quận Đ, thành phố Hà Hội.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T là ông Ngô Chí D, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị là đại diện theo pháp luật.

Người đại diện hợp pháp của ông Ngô Chí D là ông Đỗ Thành Tr, chức vụ: Phó giám đốc khối pháp chế và Kiểm soát tuân thủ - VPBank hội sở, là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 11/2018/UQ-HĐQT, ngày 02/3/2018).

Người đại diện hợp pháp của ông Đỗ Thành Tr là Ông Trần Minh Th, chức vụ: Cán bộ xử lý nợ - VPBank AMC là đại diện theo ủy quyền lại (Văn bản ủy quyền số 20430/2018/UQ-VPB ngày 28/8/2018).

Địa chỉ liên hệ: Số 179 – 181 đường Đ, phường B, thành phố L, tỉnh An G (Có mặt).

- *Bị đơn:*

+ Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1960.

+ Bà Trương Thị C, sinh năm 1971.

Cùng cư trú: Ấp T 1, xã G, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Văn T1 và bà Trương Thị C là ông Lê Văn A, sinh năm 1957. Cư trú: Ấp H 1, xã T, huyện C, tỉnh An Giang là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 03/7/2018), (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Nguyễn Nhựt T2, sinh năm 1987. Cư trú: Ấp T 1, xã G, huyện C, tỉnh An Giang (Có yêu cầu vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Thị Chúc G, sinh năm 1992. Cư trú: Ấp T 1, xã G, huyện C, tỉnh An Giang (Có yêu cầu vắng mặt).

+ Bà Huỳnh Ngọc H, sinh năm 1994. Cư trú: Ấp T 1, xã G, huyện C, tỉnh An Giang. (Có yêu cầu vắng mặt).

+ Nguyễn Khánh Đ, sinh năm 2013. Cư trú: Ấp T 1, xã G, huyện C, tỉnh An Giang. (Có yêu cầu vắng mặt).

Người đại diện theo pháp luật của Nguyễn Khánh Đ, sinh năm 2013 là ông Nguyễn Nhựt T2, sinh năm 1987 (cha ruột) và bà Huỳnh Ngọc H, sinh năm 1994 (mẹ ruột). Cùng cư trú: Ấp T 1, xã G, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và tờ tự khai của nguyên đơn do ông Trần Minh Th là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Vào ngày 28/4/2016 ông Nguyễn Văn T1 cùng vợ là bà Trương Thị C có ký hợp đồng tín dụng số: 7091670/HĐTD với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T (gọi tắt là Ngân hàng) vay số tiền 400.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 8.99%/năm, điều chỉnh 03 tháng/lần, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh sản xuất đồ gỗ, thời hạn vay là 120 tháng. Sau khi ký kết hợp đồng thì Ngân hàng đã giải ngân cho ông T1, bà C đủ số

tiền nói trên vào ngày 29/4/2014. Để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng nói trên thì ông T1, bà C có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số: 7091670/HĐTC ngày 28/4/2016 với Ngân hàng tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất diện tích 728m^2, thửa đất số 45, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại ấp Long Thạnh 1, xã Long G, huyện Chợ Mới, tỉnh An G theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 271329, vào sổ cấp Giấy chứng nhận số: H.01210kB do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An G cấp ngày 22/12/2008 cho ông Nguyễn Văn T1, bà Trương Thị C và tài sản gắn liền với đất là căn nhà diện tích 116,64m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 168/NƠ do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp ngày 22/6/2009 cho ông Nguyễn Văn T1 và bà Trương Thị C. Đến ngày 17/11/2016 ông T1 tiếp tục ký hợp đồng số 10447616, vay số tiền 140.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 22%/năm, mục đích vay mua sắm vật dụng gia đình, thời hạn vay là 60 tháng, hình thức vay tín chấp. Ngân hàng đã giải ngân cho ông T1 đủ số tiền nói trên vào ngày 21/11/2016. Trong quá trình thực hiện hợp đồng thì ông T1, bà C có trả vốn 123.054.591 đồng (tính đến ngày 30/01/2018) thì ngưng cho đến nay, mặc dù Ngân hàng có nhắc nhở ông T1, bà C nhiều lần nhưng ông, bà vẫn không thực hiện. Nay yêu cầu ông Nguyễn Văn T1, bà Trương Thị C có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng số tiền vốn và lãi suất tính đến ngày 29/8/2018 tổng cộng 534.633.579 đồng và lãi tiếp tục tính kể từ ngày 30/8/2018 cho đến khi ông Nguyễn Văn T1, bà Trương Thị C thanh toán xong toàn bộ khoản nợ vay. Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 7091670/AGG/HĐTCSP ngày 28/4/2016 giữa Ngân hàng với ông T1, bà C.

Tại phiên tòa hôm nay ông Thơ đại diện Ngân hàng yêu cầu ông T1, bà C trả vốn gốc 340.000.000 đồng, lãi suất quá hạn 50.745.590 đồng (tính đến ngày 11/10/2018) và tiền lãi phát sinh trên vốn gốc 340.000.000 đồng từ ngày 12/10/2018 theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 7091670/HĐTD ngày 28/4/2016 cho đến khi thanh toán hết nợ và trả vốn gốc 123.705.367 đồng, lãi suất quá hạn 31.055.751 đồng (tính đến ngày 11/10/2018) và tiền lãi phát sinh trên vốn gốc 123.705.367 đồng từ ngày 12/10/2018 theo mức lãi suất thỏa thuận tại giấy Đ ký vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số: 10447616 ngày 17/11/2016 cho đến khi thanh toán hết nợ. Tổng cộng vốn và lãi (tính đến ngày 11/10/2018) của hai Hợp đồng là 545.506.714 đồng. Trường hợp ông T1, bà C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu phía ông T1, bà C giao tài sản đã thế chấp để Ngân hàng bán tài sản để thu hồi nợ hoặc Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp trên để thu hồi nợ.

Ông Lê Văn A là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông T1, bà C trình bày: Thống nhất theo lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng về việc ông T1, bà C có ký hợp đồng tín dụng và vay số tiền như Ngân hàng trình bày và hiện nay còn nợ Ngân hàng số tiền 534.633.579. Nay ông T1, bà C đồng ý trả

nợ cho Ngân hàng và đồng ý tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp 7091670/AGG/HĐTCSP ngày 28/4/2016 giữa Ngân hàng với ông T1, bà C. Nhưng hoàn cảnh hiện nay khó khăn yêu cầu Ngân hàng cho tiếp tục thực hiện hợp đồng như trước đây là được thanh toán hàng tháng cho đến khi dứt nợ theo hợp đồng.

Tại phiên Tòa hôm nay ông A thống nhất ông T1, bà C nợ Ngân hàng tổng cộng vốn và lãi (tính đến ngày 11/10/2018) của hai Hợp đồng là 545.506.714 đồng và ông vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Nhựt T2, bà Huỳnh Ngọc H và bà Nguyễn Thị Chúc G trình bày: Các ông bà là con của ông T1, bà C. Phần tài sản thế chấp cho Ngân hàng là tài sản của ông, bà nội để lại cho cha, mẹ để thờ cúng ông, bà nên các ông, bà không tranh chấp với ông T1, bà C.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết: Ngày 28/4/2016, giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T (Ngân hàng) và ông Nguyễn Văn T1, Trương Thị C, ký hợp đồng tín dụng số 7091670 vay 400.000.000 đồng (đã giải ngân ngày 29/4/2016), thời hạn vay 120 tháng (từ ngày 29/4/2016 đến ngày 29/4/2026), lãi suất 8.99%/năm, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh. Tài sản thế chấp gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01210kB do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp ngày 22/12/2012 cho ông T1, bà C và giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 168/NƠ ngày 22/6/2009 của Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp cho ông T1, bà C.

Đến ngày 17/11/2016, ông T1 tiếp tục ký hợp đồng số 10447616 vay 140.000.000 đồng, lãi suất 22%/năm, mục đích vay mua sắm vật dụng gia đình, thời hạn vay 60 tháng (đã giải ngân ngày 21/11/2016). Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T1, bà C có trả vốn đến ngày 30/01/2018 là 123.054.591 đồng và ngưng không thực hiện. Nay, Ngân hàng yêu cầu ông T1, bà C có nghĩa vụ trả Ngân hàng số tiền vốn và lãi suất tính đến ngày 11/10/2018 tổng cộng là 545.506.714 đồng và lãi tiếp tục tính kể từ ngày 12/10/2018 cho đến khi ông T1, bà C thanh toán xong toàn bộ khoản nợ vay. Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đã ký kết.

Phía ông Lê Văn A đại diện ủy quyền ông Nguyễn Văn T1, bà Trương Thị C thống nhất còn nợ Ngân hàng số tiền 545.506.714 đồng. Yêu cầu tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp đã ký kết.

Xét thấy, các hợp đồng tín dụng ngày 28/4/2016 và ngày 17/11/2016 giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Văn T1, bà Trương Thị C được ký kết trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận. Do ông T1, bà C vi phạm nghĩa vụ, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả vốn và lãi là 545.506.714 đồng là phù hợp Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự.

Hợp đồng tín dụng được đảm bảo bằng hợp đồng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 7091670 ngày 28/4/2016, trong đó ông T1, bà

C thế chấp quyền sử dụng đất số H01210/Kb ngày 22/12/2012 và giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số số 168/NƠ ngày 22/6/2009. Hợp đồng thế chấp được giao kết trên cơ sở tự nguyện, có công chứng tại Văn phòng Công chứng số 1 tỉnh An G và Đ ký thế chấp quyền sử dụng đất tại Văn phòng Đ ký đất đai chi nhánh Chợ Mới nên Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp theo Điều 56, 58 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

Đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Nhựt T2, Nguyễn Thị Chúc G, Huỳnh Ngọc H, Nguyễn Khánh Đ không tranh chấp trong vụ án này nên không đề cập giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 317, 320, 463, 466, 467, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 56, 58 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/20006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm, xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T khởi kiện ông Nguyễn Văn T1, bà Trương Thị C. Bị đơn ông T1, bà C có nơi cư trú ấp T 1, xã G, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Ông Nguyễn Nhựt T2, bà Huỳnh Ngọc H và bà Nguyễn Thị Chúc G có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử T2 hành xét xử vắng mặt ông T2, bà H và bà G là có căn cứ.

[3] Tại phiên tòa hôm nay ông Thơ đại diện Ngân hàng yêu cầu ông T1, bà C trả vốn gốc 340.000.000 đồng, lãi suất quá hạn 50.745.590 đồng (tính đến ngày 11/10/2018) và tiền lãi phát sinh trên vốn gốc 340.000.000 đồng từ ngày 12/10/2018 theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 7091670/HĐTD ngày 28/4/2016 cho đến khi thanh toán hết nợ và trả vốn gốc 123.705.367 đồng, lãi suất quá hạn 31.055.751 đồng (tính đến ngày 11/10/2018) và tiền lãi phát sinh trên vốn gốc 123.705.367 đồng từ ngày 12/10/2018 theo mức lãi suất thỏa thuận tại giấy Đ ký vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số 10447616 ngày 17/11/2016 cho đến khi thanh toán hết nợ. Tổng cộng vốn và lãi (tính đến ngày 11/10/2018) của hai Hợp đồng là 545.506.714 đồng. Xét thấy, việc thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu. Căn cứ

Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện Ngân hàng.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy, Hợp đồng tín dụng số 7091670/HĐTD ngày 28/4/2016 được ký kết giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Văn T1, bà Trương Thị C và giấy Đ ký vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số 10447616 ngày 17/11/2016 được ký kết giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Văn T1 được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, hình thức và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên đây là hợp đồng tín dụng hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Căn cứ theo hợp đồng tín dụng đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015. Trong quá trình thực hiện hợp đồng phía ông T1, bà C không thực hiện nghĩa vụ trả vốn, lãi suất đúng hạn cho Ngân hàng để phát sinh nợ quá hạn là vi phạm nghĩa vụ của người vay theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết. Đối với giấy Đ ký vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số 10447616 ngày 17/11/2016 được ký kết giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Văn T1, tuy bà C không cùng ông T1 thực hiện giao dịch này nhưng căn cứ vào mục đích vay tiền là mua đồ gia dụng để sản xuất đồ gỗ nhằm sinh lợi phục vụ yêu cầu thiết yếu của gia đình, hơn nữa số nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên Ngân hàng yêu cầu bà C phải có nghĩa vụ cùng ông T1 trả cho Ngân hàng số tiền theo hợp đồng này là phù hợp với Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Do đó, việc Ngân hàng khởi kiện ông T1, bà C yêu cầu thanh toán nợ của hai hợp đồng với số tiền vốn 463.705.373 đồng và nợ lãi 81.801.341 (tính đến ngày 11/10/2018), tổng cộng 545.506.714 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 280, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015, Điều 91, Điều 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010, xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T.

[5] Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn có yêu cầu bên vay ông T1, bà C tiếp tục chịu lãi suất phát sinh trên nợ gốc theo hợp đồng tín dụng số 7091670/HĐTD ngày 28/4/2016 và giấy Đ ký vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số 10447616 ngày 17/11/2016 đã ký kết từ ngày 12/10/2018 cho đến khi ông T1, bà C thanh toán xong khoản nợ gốc cho Ngân hàng. Hội đồng xét xử xét thấy, theo hợp đồng tín dụng có thỏa thuận mức lãi suất cho vay trong hạn và lãi suất nợ quá hạn. Do ông T1, bà C vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng cho đến khi ông T1, bà C thanh toán xong khoản nợ gốc là phù hợp với Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

[6] Đối với Hợp đồng thế chấp số 7091670/HĐTC ngày 28/4/2016 được ký kết giữa Ngân hàng với ông T1, bà C, tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất diện

tích 728m^2, thửa đất số 45, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại ấp Long Thạnh 1, xã Long G, huyện Chợ Mới, tỉnh An G theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 271329, vào sổ cấp Giấy chứng nhận số: H.01210kB do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An G cấp ngày 22/12/2008 cho ông Nguyễn Văn T1, bà Trương Thị C và tài sản gắn liền với đất là căn nhà cấp 4d (loại nhà cột gỗ, vách ván, nền lót ván, mái lợp ngói) diện tích 116,64m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 168/NƠ do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp ngày 22/6/2009 cho ông Nguyễn Văn T1 và bà Trương Thị C để đảm bảo số tiền vay 400.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng này ký kết trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, hợp đồng có công chứng và được Đ ký thế chấp theo quy định pháp luật nên Hợp đồng thế chấp trên có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành theo Điều 319 Bộ luật dân sự 2015. Do đó, khi ông T1, bà C không thanh toán nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp trên để thu hồi nợ là phù hợp Điều 320, Điều 323 Bộ luật dân sự 2015.

[7] Đối với yêu cầu của bị đơn yêu cầu Ngân hàng cho tiếp tục thực hiện hợp đồng như trước đây là được thanh toán hàng tháng cho đến khi dứt nợ theo hợp đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, do bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ như thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ của người vay làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích của Ngân hàng và tại phiên tòa hôm nay yêu cầu của bị đơn không được phía Ngân hàng đồng ý. Do đó, không có cơ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Nhựt T2, bà Nguyễn Thị Chúc G, bà Nguyễn Thị Ngọc H và cháu Nguyễn Khánh Đ. Hội đồng xét xử xét thấy, qua xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản đang thế chấp thì những người này hiện nay đang sống cùng với ông T1, bà C trên phần tài sản đang thế chấp. Quá trình làm việc tại Tòa án các đương sự có ý kiến không tranh chấp đối với phần tài sản này và các đương sự cũng không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[9] Từ những phân tích trên, có cơ sở buộc ông Nguyễn Văn T1 và bà Trương Thị C có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T số tiền số tiền vốn 463.705.373 đồng và nợ lãi 81.801.341 (tính đến ngày 11/10/2018), tổng cộng 545.506.714 đồng và buộc ông Nguyễn Văn T1 và bà Trương Thị C phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 7091670/HĐTD ngày 28/4/2016 và giấy Đ ký vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số 10447616 ngày 17/11/2016 cho đến khi ông T1, bà C thanh toán xong khoản nợ gốc.

[10] Về chi phí tố tụng gồm chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 300.000đồng. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông T1, bà C phải chịu là phù hợp Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Do Ngân hàng đã tạm nộp nên ông T1, bà C có nghĩa vụ hoàn lại cho Ngân hàng số tiền 300.000 đồng.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên ông T1, bà C phải chịu án phí dân sự theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: - Các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 158, Điều 228, Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 280, Điều 319, Điều 320, Điều 323; Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Các Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T đối với ông Nguyễn Văn T1 và bà Trương Thị C.

+ Buộc ông Nguyễn Văn T1 và bà Trương Thị C có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T số tiền vốn 463.705.373 đồng và nợ lãi 81.801.341 (tính đến ngày 11/10/2018), tổng cộng 545.506.714 (Năm trăm bốn mươi lăm triệu, năm trăm lẻ sáu nghìn, bảy trăm mười bốn) đồng.

+ Kể từ ngày 12/10/2018 ông Nguyễn Văn T1 và bà Trương Thị C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 7091670/HĐTD ngày 28/4/2016 và giấy Đ ký vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số 10447616 ngày 17/11/2016 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T thì lãi suất mà ông T1, bà C vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T.

Trường hợp ông Nguyễn Văn T1, bà Trương Thị C không thanh toán nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất diện tích 728m^2, thửa đất số 45, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại ấp Long Thạnh 1, xã Long G, huyện Chợ Mới, tỉnh An G theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 271329, vào sổ cấp Giấy chứng nhận số: H.01210kB do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An G cấp ngày 22/12/2008 cho ông Nguyễn Văn T1, bà Trương Thị

C và tài sản gắn liền với đất là căn nhà cấp 4d (loại nhà cột gỗ, vách ván, nền lót ván, mái lợp ngói) diện tích 116,64m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 168/NƠ do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp ngày 22/6/2009 cho ông Nguyễn Văn T1 và bà Trương Thị C để thu hồi nợ.

Trường hợp việc xử lý tài sản thế chấp chưa thanh toán hết các khoản nợ thì ông Nguyễn Văn T1 và bà Trương Thị C còn phải thanh toán tiếp cho đến khi trả hết nợ.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: 25.820.268 (Hai mươi lăm triệu, tám trăm hai mươi nghìn, hai trăm sáu mươi tám) đồng, ông Nguyễn Văn T1 và bà Trương Thị C phải chịu.

+ Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.926.000 (mười một triệu, chín trăm hai mươi sáu nghìn) đồng cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T, theo biên lai thu số 0019773 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới cấp ngày 12/6/2018.

- Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn T1 và bà Trương Thị C có nghĩa vụ hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam T số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Anh Thư

Nơi nhận:
-TAND tỉnh An G;
-VKSND huyện Chợ Mới;
-Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
-Các đương sự;
-Lưu.